

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VB
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày 23-02-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VB, T PHỐ HẢI PHÒNG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Bà Đào Thị Nguyễn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện VB, T phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện VB tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VB, T phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 03 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn C ; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Quốc T ; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị L ; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Trần Thị T; nơi cư trú: Thôn KL, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Ông Trần Văn Q; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Bà Trần Thị T; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Bà Vũ Thị V; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

6. Vợ chồng anh Trần Văn L, bà Nguyễn Thị H; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

7. Vợ chồng ông Trần Mạnh V và bà Nguyễn Thị B; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Văn C trình bày:

Bố mẹ ông là cụ Trần T L1, sinh năm 1934 và cụ Hoàng Thị L2, sinh năm 1930 sinh được 06 người con gồm: Ông Trần Quốc T , bà Trần Thị L , bà Trần Thị T , ông Trần Văn Q , bà Trần Thị T và ông. Cụ L1 và cụ L2 không có con riêng, con nuôi. Ngày 15-6-2000 cụ L1 chết, ngày 06-9-2016 cụ L2 chết, đều không để lại di chúc. Quá trình chung sống, cụ L1 và cụ L2 tạo lập được khối tài sản là 560m² đất tại thửa số 1312, tờ bản đồ số 11, Thôn , xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng, nay là thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng. Diện tích đất này đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01-9-1994 đứng tên cụ Trần T L1. Khi còn sống cụ L1 và cụ L2 có nói cho 03 người con trai gồm ông, ôngQ và ông T mỗi người một phần đất. Sau khi cụ L1 chết, cụ L2 ở tại nhà đất này một thời gian sau đó về ở tại nhà ông. Mảnh đất của bố mẹ ông hiện nay ông Trần Văn Q cùng vợ là bà Vũ Thị V đã quản lý xây nhà ở phía nam (giáp ông Bình), ông quản lý xây tường bao phần đất ở phía bắc (giáp ông Vững). Phần đất ở giữa giáp ông và ôngQ , ông T cho con trai là Trần Văn L cùng vợ là Nguyễn Thị H xây nhà 03 tầng kiên cố trên đất. Quá trình sử dụng phần đất ở phía bắc ông đã đổi đất cho vợ chồng ông Trần Mạnh Vững, bà Nguyễn Thị B, ông lấy một phần đất về phía đông, vợ chồng ông Vững lấy một phần đất ở phía tây. Trên phần đất ông quản lý, vợ chồng ông Vững đã xây 01 trụ cổng và 01 bức tường bao. Nay ông đề nghị Tòa án chia thừa kế mảnh đất của cụ L1, cụ L2 để lại là 560m² đất, thực tế là 552m² theo quy định của pháp luật và chia bằng hiện vật cho ông, ôngQ , ông T , các ông có trách nhiệm thanh toán giá trị bằng tiền cho bà Trần Thị L , bà Trần Thị T , bà Trần Thị T . Đề nghị Tòa án giao cho ôngQ phần

đất về phía nam, giao cho ông phần đất về phía bắc, phần đất ở giữa tiếp giáp ông và ông Q giao cho ông T, đồng thời đề nghị Tòa án xem xét công sức giữ gìn bảo quản di sản đối ông, ông T và vợ chồng ông Q, bà Việt. Đối với bức tường bao và 01 trụ cổng là của vợ chồng ông Vững xây trên phần đất ông đã quản lý, ông xin tự giải quyết với vợ chồng ông V, bà B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Quốc T trình bày về quan hệ gia đình như nguyên đơn trình bày là đúng. Cụ Trần T L1 chết năm 2000, cụ L2 chết năm 2016. Hai cụ sinh được 06 người con gồm ông Trần Văn C, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T, bà Trần Thị T và ông. Hai cụ không có con riêng, con nuôi. Trước năm 1994 cụ L2 và cụ L1 có 636m² đất tại thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng, hai cụ đã cho ông Trần Văn C 76m², còn lại 560m² đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Trần T L1. Phần đất ở bố mẹ cho ông C, ông C đã chuyển nhượng cho người khác. Trước khi cụ L1 chết có dặn, diện tích 560m² đất cho con trưởng là ông và con út là Trần Văn Q, tuy nhiên không có di chúc. Ngày 19-02-2009 cụ L2 có viết di chúc để lại cho ông và ông Q 560m². Sau khi cụ L2 chết, ông tự nguyện cho ông C khoảng 100m² đất về phía bắc. Đến năm 2018 phần đất ông được bố mẹ cho ông cho vợ chồng con trai lớn là anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H làm nhà trên đất và sinh sống tại thửa đất này. Mảnh đất đứng tên cụ Trần T L1 hiện nay, vợ chồng ông Q, vợ chồng anh Luân, chị Hằng và ông C đang quản lý sử dụng. Nay ông C đề nghị chia di sản thừa kế mảnh đất 560m² đất của bố mẹ, ông không đồng ý, ông chỉ chấp nhận cho ông C sử dụng 100m² đất đã chia với điều kiện không được sang tên chuyển nhượng cho người khác.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các ông bà Trần Văn Q, Trần Thị L, Trần Thị T, Trần Thị T thống nhất với lời khai của nguyên đơn, bị đơn về quan hệ huyết thống, về khối tài sản cụ L2, cụ L1 để lại là 560m² đất tại thửa số 1312, tờ bản đồ số 11, Thôn A, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng, nay là thôn ĐH, xã VA đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01-9-1994. Khi còn sống cụ L1, cụ L2 có nói cho 03 người con trai mảnh đất này, tuy nhiên không có văn bản giấy tờ gì. Hiện ông Q đã xây nhà trên phần đất về phía nam, ông C xây tường bao ở phía bắc, ông T cho con trai là Trần Văn L xây nhà ở giữa đất, tiếp giáp ông Q và ông C. Nay ông C đề nghị Tòa án chia thừa kế diện tích 560m² thực tế là 552m² đất, các ông bà đều thống nhất đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của bố mẹ cho 06 người con theo quy định của pháp luật, giao cho ông Q phần đất về phía Nam, ông C phần đất về phía bắc, diện tích đất con ông T

là anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H đã xây nhà, đề nghị Tòa án giao cho ông T, các bà Thường, L, T xin nhận di sản bằng tiền.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Vũ Thị V trình bày: Bà là vợ ông Trần Văn Q. Khi còn sống cụ Trần T L1 và Hoàng Thị L2 có cho vợ chồng bà phần đất như các ông C, ông T trình bày là đúng. Sau đó vợ chồng bà xây nhà trên phần đất bố mẹ cho. Nay ông C đề nghị chia di sản thừa kế mảnh đất 560m² của cụ L1, cụ L2, bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H đã nhận được các văn bản tố tụng khác của Tòa án, tuy nhiên anh Luân, chị Hằng không khai báo, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của ông Trần Văn C khởi kiện ông Trần Quốc T về việc chia thừa kế 560m² đất đất tại thửa số 1312, tờ bản đồ số 11, Thôn A, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng, nay là thôn ĐH, xã VA đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01-9-1994 đứng tên cụ Trần T L1.

Tại biên bản ghi lời khai và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Trần Mạnh V và bà Nguyễn Thị B trình bày: Gia đình ông bà tiếp giáp phần đất của cụ Trần T L1 và Hoàng Thị L2. Sau khi cụ L1 chết, các con trai của cụ L1 là ông C, ông T, ông Q mỗi người sử dụng một phần đất. Ông C sử dụng phần đất tiếp giáp gia đình ông nên vợ chồng ông và ông C có thỏa thuận bằng lời nói về việc đổi đất cho nhau, vợ chồng ông lấy phần đất tiếp giáp mặt đường, ông C lấy phần đất tiếp giáp ao nhà ông. Sau khi đổi đất, vợ chồng ông đã xây 01 trụ cổng và 01 bức tường bao trên đất. Nay ông C đề nghị chia di sản thừa kế mảnh đất 560m², đối với 01 trụ cổng và bức tường bao ông bà xây trên đất của ông C, ông bà tự giải quyết với ông C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng định giá đã xem xét thẩm định tại chỗ và định giá các tài sản trên đất như sau: Về đất ở: 552m² (7.000.000 đồng/m²) trị giá 3.864.000.000 đồng. Công trình xây dựng trên đất gồm tài sản trên diện tích đất ông Trần Văn Q cùng vợ là Vũ Thị V đang sử dụng gồm: Nhà xây hai tầng, xây gạch chỉ 220, móng xây gạch chỉ tầng 1 mái bằng bê tông cốt thép, tầng 2 lợp tôn kim loại, đóng trần nhựa, nền lát gạch đá hoa trị giá 372.668.058 đồng, lán lợp froximang, tường xây gạch chỉ 110 sử dụng làm bếp và kho chứa đồ trị giá 14.054.880 đồng, bể lọc nước mưa trị giá 6.633.000 đồng, sân gạch bê tông gạch vỡ, mặt láng xi măng vữa, trị giá 4.000.865 đồng. Mái lợp tôn sườn sắt, trị giá 21.911.479 đồng, trụ cổng xây gạch chỉ, ốp gạch men trị giá 11.230.538 đồng. Tài sản trên diện tích đất ông Trần Văn C đang sử dụng gồm: Tường xây gạch ba

vanh, tường xây gạch chỉ, trụ cổng xây gạch chỉ, ốp gạch giả đá trị giá 12.686.592 đồng. Tài sản trên phần đất ông Trần Quốc T do anh Trần Văn L và chị Nguyễn Thị H đang sử dụng gồm: Nhà 03 tầng khung bê tông cốt thép, mái bằng bê tông cốt thép, móng bằng bê tông cốt thép, có khu phụ khép kín, nền lát gạch đá hoa trị giá 898.654.703 đồng, mái lợp tôn kim loại sườn sắt trị giá 9.212.594 đồng, nhà vệ sinh phía sau nhà chính, tường xây gạch chỉ 220, mái bằng bê tông cốt thép trị giá 65.259.132 đồng, sân gạch bê tông, gạch vỡ trị giá 1.107.040 đồng, trụ cổng xây gạch chỉ, ốp gạch men, cánh cổng sắt, tường xây gạch chỉ 110 trên hàng rào sắt hộp, trị giá 15.966.024 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất là 5.297.384.859 làm tròn là 5.297.385.000 đồng. Các đương sự không ai có ý kiến về giá.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đồng thời phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác; Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Q, bà T, bà Thương, bà Việt, ông V, bà B chấp hành nghiêm chỉnh yêu cầu của Tòa án về cung cấp chứng cứ, tham gia các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Luân, chị Hằng không khai báo, không tham gia đầy đủ các hoạt động tố tụng. Tại phiên tòa ông Ông T, anh Luân, chị Hằng, ông Q, bà Việt đều vắng mặt không có lý do. Việc những người này vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; các Điều 95, Điều 99, Điều 167, điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai

Về thời hiệu: Vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Trần T L1 và Hoàng Thị L2.

Về cách phân chia di sản: Di sản của cụ L2 và cụ L1 là 560m² đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên thực tế là 552m² đất tại thửa số 1312, tờ bản đồ số 11, Thôn A, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng, nay là thôn ĐH, xã VA đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01-9-1994 có giá trị là 3.864.000.000 đồng được chia thừa kế theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm 06 người con gồm: Ông Trần Quốc T, ông Trần Văn C, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T, ông Trần Văn Q và bà Trần Thị T. Trước khi chia di sản thừa kế phải tính đến công sức duy trì khối tài sản cho vợ chồng ông

Trần Văn Q , bà Vũ Thị V , ông Trần Quốc T và ông Trần Văn C do những người này có công sức quản lý, tôn tạo, duy trì tài sản. Do đó, di sản là 552m² được chia làm 07 phần, trong đó 6 phần theo di sản, 01 phần theo công sức. Mỗi phần là 78,86m² trị giá là 552.000.000 đồng. Vợ chồng ôngQ , bà Việt, ông T , ông C có công sức giữ gìn di sản nên, trích cho vợ chồng ôngQ , bà Việt 1/3 của một suất thừa kế, ông T , ông C mỗi người 1/3 công sức của một suất thừa kế là 78,86m² : 3 = 26.29m² đất, trị giá là 184.000.000 đồng.

Di sản của ông T , ông C , ôngQ sẽ được chia gồm: Phần công sức 1/3 của một suất thừa kế + phần được chia. Di sản của bà L , bà T , bà Thường mỗi người được hưởng một suất thừa kế.

Do ông C , ông T , ôngQ đều đang quản lý công trình trên đất, ông C , ôngQ , ông T đều có nguyện vọng được quản lý diện tích đất đang sử dụng, các bà L , T , Thường xin nhận bằng tiền. Do đó cần giao cho ông Trần Văn C 129m² đất về phía bắc, ông T 145m², ôngQ 278m² đất về phía nam. Tài sản ôngQ được chia có giá trị 1.946.000.000 đồng nên ôngQ có trách nhiệm trả bà Thường 552.000.000 đồng, trả bà L 552.000.000 đồng, trả bà T 106.000.000 đồng. Ông C được chia có giá trị là 903.000.000 đồng lên phải trả bà T 167.000.000 đồng, ông T được chia có giá trị là 1.015.000.000 đồng nên phải trả bà T số tiền là 279.000.000 đồng.

Đối với phần xây dựng của ông Trần Mạnh V và bà Nguyễn Thị B trên đất của ông Trần Văn C và của anh Trần Văn L chị Nguyễn Thị H trên đất của ông Trần Quốc T được chia, do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn C xin nhận chịu chi phí tố tụng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Văn C khởi kiện chia di sản thừa kế đối với ông Trần Quốc T ; nơi cư trú: Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VB, T phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Mạnh Vững, bà Nguyễn Thị B, bà Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Quốc T, ông Trần Văn Q, bà Vũ Thị V, anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H đều vắng mặt không có lý do không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Trần T L1 chết ngày 15-6-2000, cụ Hoàng Thị L2 chết ngày 06-9-2016, vì vậy thời hiệu khởi kiện về yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Về diện và hàng thừa kế: Cụ Trần T L1 và cụ Hoàng Thị L2 sinh được 06 người con gồm: Ông Trần Quốc T, ông Trần Văn C, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T, bà Trần Thị T, cụ L1 và cụ L2 không có con riêng, con nuôi. Theo ông Trần Quốc T trình bày, cụ Hoàng Thị L2 trước khi chết có để lại di chúc. Nội dung di chúc thể hiện cho đất ở con trai út Trần Văn Q và con trai trưởng Trần Quốc T. Tòa án đã ra Quyết định yêu cầu ông T cung cấp tài liệu chứng cứ là bản chính hoặc bản sao công chứng di chúc của cụ Hoàng Thị L2, tuy nhiên ông T không giao nộp tài liệu chứng cứ này. Do đó có đủ căn cứ xác định cụ L1, cụ L2 chết không để lại di chúc, do đó di sản thừa kế của hai cụ được chia hàng thừa kế thứ nhất cho 06 người con gồm ông Trần Quốc T, ông Trần Văn C, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T, bà Trần Thị T.

[5] Về di sản thừa kế: Cụ Trần T L1 và cụ Hoàng Thị L2 đã được Ủy ban nhân dân huyện VB, T phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01-9-1994 với diện tích 560m² tại thửa 1312, tờ bản đồ số 11, thôn A, xã VA nay là thôn Cự Đông, xã VA. Về hiện trạng thửa đất: Qua khảo sát thực tế diện tích là 552m², giảm 08m². Tại Công văn số 158/TNMT ngày 03-11-2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VB trả lời: Ngày 27-5-2022 Hội đồng định giá tài sản do Tòa án nhân dân huyện VB T lập đã tiến hành khảo sát đo đạc lại thửa đất trên hiện trạng thì xác định diện tích của thửa đất là 552m², giảm 08m². Đối chiếu với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông L1 là chủ sử dụng đất và sơ đồ hiện trạng đất do Hội đồng định giá tài sản khảo sát, đo đạc vào ngày 27-5-2022 thì có sự thay đổi về kích thước một số cạnh nên diện tích bị giảm. Các hộ giáp ranh đều xác định sử dụng ranh mốc giới ổn định. Như vậy diện tích giảm là do sai số khi đo đạc. Đề nghị Tòa án công nhận diện tích thực tế là 552m². Trên cơ sở các tài liệu do các đương sự cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được có đủ căn cứ xác định di sản của cụ L1, cụ L2 để lại là 552m² đất tại thửa 1312, tờ bản đồ số 11, thôn DH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng.

[6] Về xem xét công sức tôn tạo, bảo quản giữ gìn di sản: Sau khi cụ L1, cụ L2 chết, vợ chồng ông Trần Văn Q , bà Vũ Thị V , ông Trần Văn C , ông Trần Quốc T là những người trực tiếp quản lý xây dựng công trình trông coi giữ gìn đất, do đó khi phân chia di sản thừa kế cần phải tính công sức cho những người này mới thỏa đáng. Theo kết quả của hội đồng định giá tài sản: 552m² đất có giá trị là 3.864.000.000 đồng. Vì vậy, cần trích công sức cho vợ chồng ôngQ , bà Việt, ông C , ông T 01 xuất thừa kế. Vợ chồngQ bà Việt được hưởng chung 1/3 công sức của 01 xuất thừa kế, ông C , ông T mỗi người được hưởng 1/3 công sức của một suất thừa kế là phù hợp.

[7] Về việc phân chia di sản của cụ Trần T L1 và cụ Hoàng Thị L2: Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn C , ông Trần Quốc T , ông Trần Văn Q cùng đề nghị chia di sản bằng hiện vật, bà Trần Thị L , bà Trần Thị T , bà Trần Thị T đề nghị được nhận giá trị di sản bằng tiền. Xét yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này. Như vậy, di sản của cụ Trần T L1 và Hoàng Thị L2 là 552m² được phân chia làm 07 kỷ phần, trong đó 06 phần thừa kế và 01 phần công sức được tính cho vợ chồng ôngQ , bà Việt và ông C , ông T . Mỗi kỷ phần sẽ được hưởng di sản tương ứng với diện tích đất là 78,86m² có giá trị là 552.000.000 đồng. Phần của ông C , ông T được hưởng gồm có: 78,86m² (phần được chia) + 26,29m² (là công sức) = 105,15m², trị giá 736.000.000 đồng. Phần ôngQ được hưởng 78,86m² (phần được chia) + 26,29m² (là công sức của vợ chồng ôngQ , bà Việt) = 105,15m² trị giá 736.000.000 đồng. Các bà Trần Thị L , Trần Thị T , Trần Thị T mỗi người được hưởng theo kỷ phần là 78,86m² đất, trị giá là 552.000.000 đồng.

[8] Xét yêu cầu của các đương sự: Ông Trần Văn Q , ông Trần Văn C , đề nghị chia thừa kế diện tích đất bằng hiện vật, ông C xin nhận phần đất về phía bắc, ôngQ xin nhận phần đất về phía nam, trên đất có công trình xây dựng vợ chồng ông đã làm. Ông T đồng ý với phần đất của ông, ôngQ , ông T đã nhận với điều kiện không được bán, chuyển nhượng sang tên tách thửa đất. Bà L , bà T , bà Thương xin nhận di sản bằng tiền. Để không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và không ảnh hưởng đến công trình, vật kiến trúc mà vợ chồng ôngQ , bà Việt, ông C và con ôngQ là vợ chồng anh Luân chị Hằng đã xây dựng, cũng như đảm bảo công năng giá trị quyền sử dụng đất và điều kiện đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chia thừa kế bằng hiện vật.

[9] Về phân chia di sản: Theo sơ đồ thừa đất kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 27-5-2022 thì ông C hiện đang quản lý phần đất về phía bắc, trên đất có tường bao, mặt khác quá trình quản lý phần đất này ông C đã đổi cho vợ chồng ông Trần Mạnh Dũng, bà Nguyễn Thị B, ông C lấy phần đất của gia đình

ông Vững về phía đông, gia đình ông Vững lấy phần đất của ông C về phía tây. Tại phiên tòa, ông C xin tự giải quyết với vợ chồng ông V, bà B đối với phần xây dựng mà vợ chồng ông Vững đã làm trên phần đất của ông. Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quốc T xin nhận phần đất đã tự chia, vợ chồng anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H và ông Trần Quốc T không có ý kiến gì đối với công trình xây dựng vợ chồng anh Luân đã làm trên phần đất của ông T. Ông Q xin nhận phần đất vợ chồng ông đã xây công trình nhà ở trên đất. Xét yêu cầu của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu này. Giao cho ông C 129m² đất về phía bắc có kích thước như sau: Phía bắc (giáp ông Vững): 7,60m; 14,15m; phía nam (giáp phần đất ông T được chia): 20,55m; phía tây (giáp đường): 6,90m; Phía đông (giáp ông Vững): 3,9m có giá trị là 903.000.000 đồng. Giao cho ông Trần Quốc T 145m² đất tiếp giáp ông C. Kích thước như sau: Phía bắc (giáp phần đất ông C được chia): 20,55m; phía nam (giáp phần đất ông Q được chia): 20,60m; Phía tây (giáp đường): 10,00m; Phía đông (giáp ông Vững): 4,30m có giá trị là 1.105.000.000 đồng. Giao cho ông Q 278m² đất về phía nam có kích thước: Phía bắc (giáp đất ông T được chia): 20,60m; phía nam (giáp ông Bình): 8,90m; 5,70m; 7,20m; 6,60m; Phía tây (giáp đường): 9,90m; Phía đông (giáp ông Vững): 17,50m có giá trị là 1.946.000.000 đồng. Ông Q được nhận di sản có giá trị là 1.946.000.000 đồng nên phải có trách nhiệm trả chênh lệch tài sản sang bà Trần Thị L, bà Trần Thị T mỗi người là 552.000.000 đồng. Ngoài ra ông Q còn phải trả bà T 106.000.000 đồng, ông C phải trả bà T 167.000.000 đồng, ông T phải trả bà T là 279.000.000 đồng. Phần tài sản của ông C, ông T, ông Q mỗi người được hưởng là 736.000.000 đồng.

[10] Về công trình xây dựng của anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị H trên phần đất ông Trần Quốc T được giao và phần xây dựng của ông Trần Mạnh Vững, bà Nguyễn Thị B trên phần đất ông Trần Văn C được giao. Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Nếu có tranh chấp giữa các bên sẽ được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[11] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng và xin nhận chịu toàn bộ chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Quốc T là người cao tuổi, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án ông T không có đơn xin được miễn án phí. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ông Trần Văn C, ông Trần Quốc T, ông Trần Văn Q, bà Trần Thị L, bà Trần Thị T, bà Trần Thị T đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được hưởng trong khối di sản thừa kế.

[12] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 95, Điều 99, Điều 167, điểm d khoản 1 Điều 169 Luật Đất đai;

Căn cứ án lệ số 05/2016 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06-4-2016;

Căn cứ các Điều 6, Điều 25, Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về chia di sản của cụ Trần T L1 và cụ Hoàng Thị L2 đối với 552m² đất tại thửa 1312, tờ bản đồ số 11, Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng theo pháp luật.

2. Cụ thể về việc chia di sản thừa kế như sau:

2.1 Chia cho ông Trần Văn C được quyền quản lý, sử dụng 129m² đất về phía bắc (giáp ông Vững) tọa lạc tại thửa 1312, tờ bản đồ số 11, Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng có giá trị là 903.000.000 đồng. Diện tích bao gồm các điểm: 1;2;3;4;5 (có sơ đồ kèm theo). Kích thước như sau: Phía bắc (giáp ông Vững): 7,60m; 14,15m; phía nam (giáp phần đất ông T được chia): 20,55m; Phía tây (giáp đường trục xã): 6,90m; Phía đông (giáp ông Vững): 3,90m. Ông C được sở hữu 19,4m tường xây gạch ba vạnh do ông xây dựng trên đất.

2.2 Chia cho ông Trần Quốc T 145m² về phía bắc (giáp phần đất ông Trần Văn C được chia) tọa lạc tại thửa 1312, tờ bản đồ số 11, Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng có giá trị là 990.199.448 đồng. Diện tích bao gồm các điểm: 5;4;7;6 (có sơ đồ kèm theo). Kích thước như sau: Phía bắc (giáp ông C được chia):

20,55m; phía nam (giáp phần đất ông Q được chia): 20,60m ; Phía tây (giáp đường trục xã): 10,00m; Phía đông (giáp ông Vững): 4,30m.

2.3 Chia cho ông Trần Văn Q 278m² về phía nam (giáp phần đất ông Bình) tọa lạc tại thửa 1312, tờ bản đồ số 11, Thôn ĐH, xã VA, huyện VB, T phố Hải Phòng có giá trị là 1.946.000.000 đồng. Diện tích bao gồm các điểm: 6;7;8;9;10;11 (có sơ đồ kèm theo). Kích thước như sau: Phía bắc (giáp phần đất ông T được chia): 20,60m; phía nam (giáp ông Bình): 8,90m; 5,70m; 7,20m; 6,60m; Phía tây (giáp đường trục xã): 9,90m; Phía đông (giáp ông Vững): 17,50m. Trên đất có các công trình nhà ở của ông Trần Văn Q , bà Vũ Thị V .

2.4 Vợ chồng ông Trần Mạnh Vững, bà Nguyễn Thị B, ông Trần Văn C , anh Trần Văn L , chị Nguyễn Thị H và ông Trần Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc thanh toán giá trị công trình, vật kiến trúc trên phần di sản ông Trần Văn C , ông Trần Quốc T được chia nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.5 Buộc ông Trần Văn Q phải có trách nhiệm trả bà Trần Thị L số tiền là 552.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu đồng); trả bà Trần Thị T số tiền là 552.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu đồng); trả bà Trần Thị T số tiền là 106.000.000 đồng (Một trăm linh sáu triệu đồng);

2.6 Buộc ông Trần Văn C phải có trách nhiệm trả bà Trần Thị T số tiền là 167.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu đồng).

2.7 Buộc ông Trần Văn T phải có trách nhiệm trả bà Trần Thị T số tiền là 279.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Người được chia quyền sử dụng đất có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký, chuyển đổi đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí thẩm định và định giá tài sản và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

4.1 Ông Trần Văn C phải chịu 27.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông C đã nộp tạm ứng 21.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0002204

ngày 14-3-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB, ông C còn phải nộp số tiền là 6.600.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng).

4.2 Ông Trần Quốc T, ông Trần Văn Q , bà Trần Thị L , bà Trần Thị T , bà Trần Thị T mỗi người phải nộp 27.600.000 đồng (Hai mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng đối với tài sản được hưởng.

4.4 Ông Trần Mạnh Vững, bà Nguyễn Thị B, anh Trần Văn L , chị Nguyễn Thị H, bà Vũ Thị V không phải chi án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện VB,
- VKS ND thành phố Hải Phòng;
- Chi Cục Thi hành án dân sự huyện VB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền